TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 220/2020/QĐST-HNGĐ	*H, ngày 11 tháng 12 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 193/2020/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2020 về việc "Ly hôn, tranh chấp chia tài sản chung khi ly hôn", giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T - sinh năm 2000.

Địa chỉ: Thôn 1, xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

- Bị đơn: Anh Lê Văn T - sinh năm 1998.

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213 và khoản 3 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 6, điểm a khoản 1 Diều 24, khoản 7 Điều 26, điểm d khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ – UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 12 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 12 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Nguyễn Thị T và Anh Lê Văn T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị T và Anh Lê Văn T xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên thống nhất thuận tình ly hôn.

-*Về con chung*: Chị Nguyễn Thị T và Anh Lê Văn T chưa có con chung.

-*Về tài sản chung:* Chị Nguyễn Thị T và Anh Lê Văn T, thống nhất trong thời kỳ hôn nhân, anh, chị được bạn bè, gia đình nội, ngoại mừng số tiền cưới được 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng), số tiền này Anh T gửi tiết kiệm tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – Chi nhánh tại huyện H. Nay, Anh T, Chị T tự thỏa thuận phân chia số tiền trên và đề nghị Tòa án ghi nhận việc tự thỏa thuận chia tài sản chung, cụ thể: Anh T được nhận số tiền 110.000.000đ (một trăm mười triệu đồng), Chị T được nhận số tiền 90.000.000đ (chín mươi triệu đồng), hai bên đã thực hiện tự giao nhận tiền cho nhau.

-*Về nghĩa vụ chịu án phí*: Chị Nguyễn Thị T và Anh Lê Văn T, thống nhất Chị T tự nguyện nộp tiền án phí ly hôn là 150.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 5.300.000 đ, theo biên lai thu số: AA/2019/0008121, ngày 04/11/2020. Án phí chia tài sản chung các bên tự thỏa thuận phân chia và yêu cầu Tòa án ghi nhận nên các bên không phải chịu. Chị T còn được nhận lại số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 5.150.000đ (năm triệu một trăm năm mươi nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Văn Nghi